

选择正确的拼音。Match.

1.	高兴		()	yā suì qián
2.	长辈		()	bài nián
3.	拜年		()	zhǎng bèi
4.	压岁钱		()	gāo xìng
5.	前		()	mǎi
6.	准备		()	qián
7.	买		()	zhǔn bèi
8.	新		()	xīn
9.	衣服		()	dēng lóng
10.	灯笼		()	hóng bāo
11.	红包		()	yī fú